

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIỀN TIẾN TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1063/QĐ-ĐHCT ngày 29 tháng 05 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)*

Ngành: Nuôi trồng thủy sản - chương trình tiên tiến (Aquaculture - Advanced Program)

Mã ngành: 7620301

Thời gian đào tạo: 4,5 năm

Danh hiệu: Kỹ sư

Đơn vị quản lý: Bộ môn Kỹ thuật nuôi thủy sản nước ngọt, Khoa Thủy sản

1. Mục tiêu đào tạo

1.1 Mục tiêu đào tạo chung

Đào tạo kỹ sư Nuôi trồng thủy sản (NTTS) có hệ thống kiến thức khoa học cơ bản, có kiến thức chuyên môn sâu về NTTS và kỹ năng nghiệp vụ thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, đảm nhận trực tiếp công tác kỹ thuật và quản lý tại các cơ sở sản xuất, nghiên cứu, đào tạo có liên quan đến thủy sản; có nhận thức chính trị và phẩm chất đạo đức tốt; có sức khỏe; tôn trọng nghề nghiệp; có khả năng tiếp tục học tập ở các bậc học sau đại học nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội trong sự nghiệp phát triển khoa học công nghệ về lĩnh vực NTTS. có khả năng sử dụng thông thạo tiếng Anh để học tập, làm việc tại các cơ sở đào tạo và tổ chức NTTS trong và ngoài nước.

1.2 Mục tiêu đào tạo cụ thể

a. Huấn luyện sinh viên sử dụng tiếng Anh thông thạo để tiếp thu các kiến thức khoa học cơ bản và chuyên ngành được giảng dạy bằng tiếng Anh.

b. Trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức khoa học tự nhiên làm cơ sở cho việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn.

c. Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về NTTS, kỹ năng nghiệp vụ, cơ hội rèn luyện tay nghề và thực hành sản xuất trong các cơ sở nhân giống, nuôi trồng và sản xuất thức ăn thủy sản; hay cơ sở dịch vụ, kinh doanh và chế biến thủy sản.

d. Đào tạo sinh viên sử dụng thành thạo các trang thiết bị thông dụng trong nuôi trồng thủy sản, quản lý và vận hành có hiệu quả cơ sở sản xuất thủy sản.

đ. Trang bị cho sinh viên các kiến thức pháp luật, lý luận chính trị, quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành.

e. Rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có khả năng nghiên cứu khoa học; có kỹ năng giao tiếp và kỹ năng học tập suốt đời; có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.

2. Chuẩn đầu ra

2.1 Kiến thức

2.1.1 Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Hiểu và vận dụng được các kiến thức cơ bản về tiếng Anh tương đương trình độ bậc 4/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B2 theo khung tham chiếu Châu Âu)..

b. Nhận biết các vấn đề về pháp luật, quốc phòng và an ninh, chính trị - xã hội.

c. Tóm tắt kiến thức về giáo dục thể chất cơ bản và phương pháp rèn luyện sức khỏe đáp ứng yêu cầu học tập và làm việc.

2.1.2 Khối kiến thức cơ sở ngành

a. Giải thích thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành để tiếp thu các kiến thức chuyên môn về NNTS.

b. Trình bày các kiến thức cơ bản về nguyên lý NTTS; phân loại, đặc điểm sinh học, sinh lý và sinh thái học của thủy sinh vật và các loài nuôi thủy sản.

c. Mô tả vai trò của vi sinh vật, môi trường sống động vật thủy sản, đặc điểm chất lượng nước để quản lý môi trường nuôi thủy sản.

d. Hệ thống hóa các phương pháp thống kê và nghiên cứu khoa học để có thể ứng dụng vào nghiên cứu chuyên môn.

2.1.3 Khối kiến thức chuyên ngành

a. Khái quát hóa kiến thức và kỹ thuật chuyên môn trong sản xuất giống, nuôi thương phẩm và cải thiện chất lượng giống các loài có giá trị kinh tế như cá, giáp xác, nhuyễn thể, và thủy sinh vật khác;

b. Trình bày qui trình sản xuất giống và nuôi thương phẩm các đối tượng thủy sản chủ lực như cá tra, cá đồng, tôm sú, tôm thẻ chân trắng và tôm càng xanh;

c. Mô tả kiến thức về quản lý nguồn lợi, môi trường và dịch bệnh đối với sản xuất bền vững, bảo vệ môi trường nuôi thủy sản, môi trường tự nhiên và bảo vệ nguồn lợi thủy sản;

d. Giải thích nguyên lý vận hành và quản lý trang thiết bị, công trình nuôi trong các cơ sở sản xuất thủy sản; qui hoạch và phát triển vùng nuôi;

đ. Trình bày hiệu quả sản xuất trong lĩnh vực thủy sản, khả năng ứng dụng công nghệ tiên tiến và các giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm thủy sản.

2.2 Kỹ năng

2.2.1 Kỹ năng cứng

a. Thực hiện kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thương phẩm các loài cá tra, cá đồng, tôm sú, tôm thẻ chân trắng và tôm càng xanh;

b. Tổ chức, quản lý và vận hành các cơ sở sản xuất giống, trại nuôi thương phẩm, kinh doanh dịch vụ thủy sản;

c. Quản lý môi trường và sức khỏe vật nuôi;

d. Phát triển đề cương nghiên cứu và triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học.

2.2.2 Kỹ năng mềm

a. Thể hiện kỹ năng giao tiếp và sử dụng thông thạo tiếng Anh trong học tập, tra cứu tài liệu chuyên ngành và trao đổi học thuật quốc tế;

b. Hình thành thái độ và ý thức hợp tác cộng đồng trong hoạt động thủy sản;

c. Phát triển kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm.

2.3 Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

a. Phát triển ý thức trách nhiệm công dân, tuân thủ pháp luật, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, tôn trọng nghề nghiệp;

b. Hình thành sự tự tin, tính trung thực, khách quan trong học tập, nghiên cứu và ứng dụng vào thực tế sản xuất;

c. Thể hiện tinh thần cầu tiến, không ngừng học tập, hợp tác tốt với đồng nghiệp và cộng đồng.

3. Vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp

- Cán bộ kỹ thuật quản lý Phòng thí nghiệm, trại sản xuất giống và nuôi thủy sản, nhà máy sản xuất thức ăn và chế biến thủy sản tại các Công ty, Trại trại.
- Cán bộ quản lý phát triển kinh doanh (CEO) các sản phẩm dịch vụ thủy sản và tư vấn kỹ thuật tại các Công ty.
- Cán bộ khuyến ngư, cán bộ quản lý - qui hoạch phát triển thủy sản tại các cơ quan thủy sản trong nước và các tổ chức quốc tế.
- Cán bộ nghiên cứu, giảng dạy tại các trường Đại học, Cao Đẳng, Trung học, Viện nghiên cứu thủy sản.
- Cán bộ tư vấn kỹ thuật của các tổ chức chứng nhận, phát triển thủy sản quốc tế.
- Chủ trại sản xuất, công ty kinh doanh độc lập.

4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Có khả năng tự học tập, nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tế sản xuất.
- Có khả năng học tập bậc Sau đại học liên quan lĩnh vực thủy sản tại các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.

5. Các chương trình đào tạo, tài liệu, chuẩn quốc gia và quốc tế tham khảo

- Khung chương trình đào tạo Nuôi trồng Thủy sản trường Đại học Auburn, Hoa Kỳ; Đại học Tasmania, Úc và Đại học Hawaii, Hoa Kỳ.
- Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Nông-Lâm-Ngư nghiệp, Ban hành theo thông tư số 09/2011/TT-BGDĐT, ngày 24 tháng 02 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chương trình đào tạo ngành NTTS Trường Đại học Cần Thơ.

6. Chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Tiếng Anh tăng cường (<i>English bridging program</i>)									
1	FL001H	Nghe và Nói 1	3	3		45			I,II
2	FL002H	Nghe và Nói 2	2	2		30			I,II
3	FL003H	Đọc hiểu 1	2	2		30			I,II
4	FL004H	Đọc hiểu 2	2	2		30			I,II
5	FL005H	Viết 1	2	2		30			I,II
6	FL006H	Viết 2	2	2		30			I,II
7	FL007H	Ngữ pháp ứng dụng	3	3		45			I,II
8	FL008H	Ngữ âm thực hành	2	2		30			I,II
9	FL009H	Kỹ năng thuyết trình	2	2		30			I,II
10	FL100H	Thi đánh giá năng lực tiếng Anh	2	2		30			I,II,III
Cộng: 20 TC (20 TC bắt buộc)									
Khởi kiến thức Giáo dục đại cương (<i>General courses</i>)									
11	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
12	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bổ trí theo nhóm ngành	
13	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bổ trí theo nhóm ngành	
14	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bổ trí theo nhóm ngành	
15	TC100	Giáo dục thể chất 1+2	2		2		60		I,II,III
16	TC013	Bơi lội (*)	1	1			30		I,II
17	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			I,II,III
18	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	I,II,III
19	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	I,II,III
20	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	I,II,III
21	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	I,II,III
22	TN051	Hóa học đại cương 1	2	2		30			I,II
23	TN052	TT. Hóa học đại cương 1	1	1			30		I,II
24	TN053	Hóa học đại cương 2	2	2		30			I,II
25	TN054	TT. Hóa học đại cương 2	1	1			30		I,II
26	TN057	Sinh học đại cương	2	2		30			I,II,III
27	TN058	TT. Sinh học đại cương	1	1			30		I,II,III
28	AQ059	Toán cao cấp	3	3		45			I,II
29	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			I,II,III
30	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			I,II,III
31	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			I,II,III
32	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			I,II,III
33	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			I,II,III
34	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		I,II,III
35	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		I,II,III
Cộng: 36 TC (32 TC bắt buộc, 4 TC tự chọn)									

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	HK thực hiện
Khối kiến thức Cơ sở ngành (Aquaculture fundamental)									
36	AQ101	Tiếng Anh Nuôi trồng thủy sản 1	2	2		30			I,II
37	AQ102	Tiếng Anh Nuôi trồng thủy sản 2	2	2		30			I,II
38	AQ218	Kỹ thuật phân tích chất lượng nước	3	3		30	30		I,II
39	AQ205C	Vì sinh	3	3		30	30		I,II
40	AQ206	Nhập môn Khoa học nghề cá	3	3		45			I,II
41	AQ207	Khoa học môi trường nước	3	3		45			I,II
42	AQ208	Phân loại học đại cương	3	3		45			I,II
43	AQ209	Ao hồ học	3	3		30	30		I,II
44	AQ210	Sinh thái học đại cương	2	2		30			I,II
45	AQ211	Sinh lý động vật thủy sản	3	3		30	30		I,II
46	AQ212	Dinh dưỡng động vật thủy sản	3	3		30	30		I,II
47	AQ214	Thống kê và phép thí nghiệm	3	3		30	30		I,II
48	AQ216	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	2		30			I,II
49	AQ217	Thực tập giáo trình cơ sở	4	4			120		I,II,III
50	AQ220	Sinh học cá	2	2		30			I,II
Cộng: 41 TC (41 TC bắt buộc)									
Khối kiến thức Chuyên ngành (Aquaculture courses)									
51	AQ301	Kỹ thuật nuôi thủy sản	4	4		45	30		I,II
52	AQ222	Quản lý trại giống cá	3	3		30	30		I,II
53	AQ303	Kỹ thuật nuôi giáp xác và nhuyễn thể	3	3		45			I,II
54	AQ223	Quản lý trại giống giáp xác và nhuyễn thể	3	3		30	30		I,II
55	AQ305	Đại cương về bệnh thủy sản và phương pháp chẩn đoán	3	3		30	30		I,II
56	AQ306C	Bệnh Thủy sản	3	3		30	30		I,II
57	AQ307	Cải tiến di truyền và quản lý nguồn lợi	3	3		45			I,II
58	AQ308	Sinh học và quản lý nguồn lợi thủy sản	3	3		30	30		I,II
59	AQ224	Thiết bị và công trình thủy sản	2	2		30			I,II
60	AQ310	Sản xuất thức ăn tươi sống	2	2		20	20		I,II
61	AQ312C	Kinh tế thủy sản	3	3		45			I,II
62	AQ313	Luật thủy sản	2	2		30			I,II
63	AQ225	Thực tập giáo trình chuyên môn	5	5			150		I,II
64	AQ315	Thuyết trình	1	1			30		I,II
65	AQ226	Thực tập thực tế	5	5			150		III
66	AQ311	Quy hoạch phát triển thủy sản	2		4	30			I,II
67	AQ227	Vệ sinh an toàn thực phẩm thủy sản	2			30			I,II
68	AQ228	Công nghệ sinh học trong nuôi trồng thủy sản	2			30			I,II
69	AQ229	Quan trắc sinh học môi trường nước	2			30			I,II
70	AQ502	Luận văn tốt nghiệp - NTTS	14	14			420	≥ 120 TC	I,II
Cộng: 63 TC (59 TC bắt buộc, 4 TC tự chọn)									
Tổng cộng: 140 TC (132 bắt buộc, 8 TC tự chọn) và 20 TC tiếng Anh tăng cường									

(*): là học phần điều kiện, không tính điểm trung bình chung tích lũy. Sinh viên có thể hoàn thành các học phần trên bằng hình thức nộp chứng chỉ theo quy định của Trường hoặc học tích lũy.

Cần Thơ, 29 tháng 5 năm 2020

BAN GIÁM HIỆU
HIỆU TRƯỞNG

HỘI ĐỒNG KH&ĐT
CHỦ TỊCH

KHOA THỦY SẢN
TRƯỞNG KHOA



Hà Thanh Toàn

Lê Việt Dũng

Trương Quốc Phú